



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỈNH LONG AN
BAN HOÀNG PHÁP - BAN HƯỚNG DẪN PHẬT TỬ GHPGVN TỈNH LONG AN

CÂU HỎI ÔN THI

HỘI THI GIÁO LÝ PHẬT TỬ CẤP TỈNH NĂM 2024

PHẦN I: CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. Ai là người khai sáng ra đạo Phật.

- Đức Phật Dược Sư
- Đức Phật Di Lặc
- Đức Phật Thích Ca Mâu Ni
- Đức Phật A Di Đà.

2. Phật lịch được tính từ lúc nào?

- Từ năm Phật nhập Niết bàn.
- Từ năm Phật Đản sanh.
- Từ năm Phật Thành đạo.
- Từ năm Phật Chuyển pháp luân.

3. Giáo lý đạo Phật bao gồm những gì?

- Niệm, Định, Tuệ
- Văn, Tư, Tu.
- Gồm ba tạng: Tạng Kinh, tạng Luật và tạng Luận.
- Tứ diệu đế, Lục độ, Thập nhị nhân duyên.

4. Chữ “Phật” nghĩa là gì?

- Bậc hoàn toàn giác ngộ
- Bậc giác ngộ hoàn toàn, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.
- Bậc giác ngộ chân chánh
- Bậc giác ngộ vĩ đại.

5. Đạo Phật có nguồn gốc từ đâu? Và xuất hiện vào thế kỷ thứ mấy trước công nguyên (BC)

- Đạo Phật có nguồn gốc từ Tích Lan và xuất hiện từ thế kỷ thứ VI trước Công nguyên.
- Đạo Phật xuất hiện từ đất nước Ma Kiệt Đà và xuất hiện từ thế kỷ thứ IV trước Công nguyên.
- Đạo Phật ra đời ở Ấn Độ và xuất hiện từ thế kỷ thứ VI trước Công nguyên.
- Đạo Phật xuất hiện từ đất nước Hy Lạp và xuất hiện từ thế kỷ thứ VI trước Công nguyên.

6. Tính đến nay năm 2024, Đạo Phật đã tồn tại trên thế gian được bao nhiêu năm kể từ khi Đức Phật nhập Niết Bàn.

- a. *Dương Lịch 2024 - Phật Lịch 2568*
- b. *Dương Lịch 2024 - Phật Lịch 2569*
- c. *Dương Lịch 2024 - Phật Lịch 2567*
- d. *Phật Lịch 2568 - Dương Lịch 2025.*



7. Theo sự thống nhất của Phật giáo thế giới Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Đản Sanh và Nhập Niết Bàn vào những năm nào trước Tây Lịch (Công nguyên).

- a. *Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Đản sanh vào năm 624 trước Tây Lịch và nhập Niết Bàn vào năm 544 trước Tây Lịch.*
- b. *Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Đản sanh vào năm 622 trước Tây Lịch và nhập Niết Bàn vào năm 540 trước Tây Lịch.*
- c. *Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Đản sanh vào năm 626 trước Tây Lịch và nhập Niết Bàn vào năm 548 trước Tây Lịch.*
- d. *Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Đản sanh vào năm 620 trước Tây Lịch và nhập Niết Bàn vào năm 544 trước Tây Lịch.*

8. Giai cấp thống trị Ấn Độ thời Phật tại thế là những giai cấp nào?

- a. *Bà La Môn và Sát Đế Ly.*
- b. *Bà La Môn và Thủ Đà La.*
- c. *Thủ Đà La và Phệ Xá.*
- d. *Sát Đế Ly và Phệ Xá.*

9. Trước khi Bồ tát nhập thai, hoàng hậu Ma Da nằm mộng thấy điềm lành gì?

- a. *Bốn vị Thiên Vương khiêng kiệu hoàng hậu đến dãy Hi Mã Lạp sơn.*
- b. *Chư thiên rải hoa khắp cả đất trời.*
- c. *Bồ tát cưỡi voi trắng sáu ngà từ hư không nhập vào hông phải của hoàng hậu.*
- d. *Đáp án a, b và c.*

10. Các nhà tiên tri đoán điềm mộng “voi trắng sáu ngà” của hoàng hậu Ma Da như thế nào?

- a. *Hoàng hậu sẽ từ trần sau 7 ngày hạ sinh Thái tử.*
- b. *Thành Ca-Tỳ-La-Vệ sẽ mất và rơi vào tay của vua Tỳ Lưu Ly.*
- c. *Hoàng hậu sẽ sinh quý tử tài đức song toàn.*
- d. *Đáp án a và b.*

11. Sự ra đời của đức Phật được gọi là gì?

- a. *Đản sanh, thị hiện, giáng thế*
- b. *Đản sanh, khánh đản, giáng trần*
- c. *Đản sanh, sinh nhật, giáng sinh*
- d. *Đản sanh, giáng sinh, thị hiện.*

12. Thái tử Tất Đạt Đa dẫn sanh ở đâu?

- a. Vườn Lâm Tỳ Ni, thành Xá Vệ.
- b. Vườn Lâm Tỳ Ni, thành Vương Xá.
- c. **Vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ca Tỳ La Vệ.**
- d. Vườn Lâm Tỳ Ni, thành Ba La Nại

13. Vì sao đức Phật thị hiện dẫn sanh tại thế giới Ta bà?

- a. Vì muốn đem lợi ích rộng lớn cho đời.
- b. Vì muốn độ tất cả chúng sinh.
- c. Vì muốn đem hạnh phúc cho chư thiên và loài người.
- d. **Đáp án a, b và c.**

14. Theo Phật giáo Bắc truyền, đức Phật thành đạo ngày nào?

- a. Ngày 8/2 âm lịch.
- b. Ngày 15/4 âm lịch.
- c. Ngày 15/12 âm lịch.
- d. **Ngày 8/12 âm lịch.**

15. Theo Phật giáo Bắc truyền, đức Phật nhập Niết bàn ngày nào?

- a. Ngày 8/2 âm lịch.
- b. **Ngày 15/2 âm lịch.**
- c. Ngày 15/4 âm lịch.
- d. Ngày 15/10 âm lịch.

16. Thân mẫu của Thái tử Tất Đạt Đa là ai?

- a. Hoàng hậu Vi Đề Hy.
- b. Hoàng hậu Mạt Lợi.
- c. **Hoàng hậu Ma Da.**
- d. Hoàng hậu Ma Ha Ba Xà Ba Đề.

17. Ai là người xem tướng cho Thái tử Tất Đạt Đa?

- a. Tiên nhân A La Lam.
- b. Tiên nhân Tu Đạt Đa.
- c. **Tiên nhân A Tư Đà.**
- d. Tiên nhân Uất Đầu Lam Phát.

18. Vua Tịnh Phạn dùng cách nào để ràng buộc Thái tử bỏ chí xuất gia?

- a. Xây dựng 3 cung điện nguy nga tráng lệ, có nhiều người hầu hạ.
- b. Ép hôn, để thái tử mê đắm dục lạc.
- c. Hứa truyền ngôi vua sớm cho Thái tử.
- d. **Gồm đáp án a, b và c.**

19. Thái tử Tất Đạt Đa xuất thân từ giai cấp nào

- a. Bà la môn.

- b. *Thủ đà la.*
- c. **Sát đế lợi.**
- d. *Phệ xá.*

20. Thái tử Tất Đạt Đa đã gặp ai khi đi dạo ở cửa phía Bắc của thành Ca Tỳ La Vệ?

- a. *Một người thợ săn.*
- b. *Một cái cây chết.*
- c. **Một vị tu sĩ tướng mạo trang nghiêm.**
- d. *Đáp án a, b và c.*

21. Sau khi sinh Thái tử Tất Đạt Đa, hoàng hậu Ma Da sinh về cõi trời nào?

- a. *Cõi trời Hóa Lạc Thiên.*
- b. **Cõi trời Đao Lợi.**
- c. *Cõi trời Phạm thiên.*
- d. *Cõi trời Đâu Xuất.*

22. Thái tử Tất Đạt Đa cùng ngựa Kiên Trắc và Sa Nặc vượt Thành xuất gia ở cửa thành nào?

- a. **Cửa thành Đông.**
- b. *Cửa thành Nam.*
- c. *Cửa thành Tây.*
- d. *Cửa thành Bắc.*

23. Sau 49 ngày đêm thiền định, Đức Phật đã Thành đạo ở đâu?

- a. *Dưới cây Vô ưu.*
- b. **Dưới cội Bồ đề.**
- c. *Dưới cây Ta la.*
- d. *Dưới cây Asoka*

24. Danh hiệu Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có ý nghĩa cao quý như thế nào?

- a. *Là nhà hiền triết của dòng tộc Sakya (Thích Ca)*
- b. *Là Bạc năng nhân, tịch mặc.*
- c. *Là bậc thông thái*
- d. **Đáp án a và b.**

25. Bài kệ “Hương các loài hoa, không ngược bay chiều gió, nhưng hương người đức hạnh, ngược gió bay muôn phương..” là bài kệ trong kinh nào?

- a. *Kinh Di Giáo*
- b. **Kinh Pháp Cú**
- c. *Kinh Thập Thiện*
- d. *Kinh Bốn Sanh*

26. Đức Phật đã chứng Tam minh, gồm những gì?

- a. *Túc mạng thông, thiên nhãn minh, lậu tận diệt.*
- b. ***Túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh.***
- c. *Túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận thông.*
- d. *Túc mạng thông, thiên nhãn thông, lậu tận thông.*

27. Đức Phật được tôn xưng với danh hiệu Đại hùng, Đại lực do Ngài có năng lực gì?

- a. *Võ nghệ cao cường và sức mạnh phi thường.*
- b. *Có tài cưỡi ngựa bắn cung, múa kiếm hơn người.*
- c. ***Thắng được nội ma, ngoại chướng.***
- d. *Đáp án a, b và c.*

28. Vị đại đệ tử nào của Đức Phật được tôn xưng là “Giới Luật đệ nhất”?

- a. *Tôn giả La Hầu La*
- b. ***Tôn giả Ưu Ba Ly***
- c. *Tôn giả A Na Luật*
- d. *Tôn giả Nan Đà.*

29. Đức Phật ca ngợi quyền bình đẳng con người bằng câu nói bất hủ nào?

- a. *Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều bình đẳng nhau trên khổ đau và hạnh phúc.*
- b. *Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn trong mỗi chúng sanh.*
- c. *Hãy thương mến nhau, vì tất cả đều sẽ có tâm thiện lành*
- d. ***Đáp án a và b.***

30. Khi vua cha ngăn cản ý định xuất gia thì thái tử đã xin bốn điều gì?

- a. ***“Làm sao cho con trẻ mãi không già, mạnh khoẻ không bệnh, sống khoẻ không chết và làm sao cho mọi người hết khổ”.***
- b. *Cho con trẻ mãi, không bệnh, không chết và không biết đau khổ.*
- c. *Cho con không già, khoẻ mãi, sống khoẻ, không bao giờ đau khổ.*
- d. *Xin hãy cho con trẻ mãi không già, sống mãi không chết và không bao giờ biết đến đau khổ”.*

31. Đức Phật thuyết pháp cho năm anh em Kiều Trần Như tại đâu?

- a. ***Tại vườn Lộc Uyển***
- b. *Tại vườn Lâm Tỳ Ni.*
- c. *Tại rừng Sa-la*
- d. *Đáp án a và b.*

32. Ai là vị thị giả hầu cận Đức Phật được các kinh điển nhắc đến nhiều lần?

- a. Tôn giả A Nan
- b. Tôn giả Xá Lợi Phất.
- c. Tôn giả Mục Kiền Liên.
- d. Tôn giả Tu Bồ Đề.

33. Đệ tử trí tuệ đệ nhất của Đức Phật là vị nào?

- a. Ngài Xá Lợi Phất
- b. Ngài Dược Vương
- c. Ngài A Na Hòa Tu
- d. Ngài Mục Kiền Liên.

34. Di Mẫu của Thái tử Tất Đạt Đa là vị nào?

- a. Hoàng hậu Ma Da
- b. Hoàng Hậu Ma Ha Ba Xà Ba Đề.
- c. Hoàng Hậu Vi Đề Hy.
- d. Hoàng hậu Mạt Lợi

35. Ai là người cúng dường vườn cây cho Đức Phật làm tinh xá?

- a. Trưởng giả Cấp Cô Độc
- b. Thái tử Kỳ Đà
- c. Vua Ba Tư Nặc
- d. Nữ đại thí chủ Tỳ Xá Khư.

36. Mười hiệu của Như Lai là những hiệu cao quý nào?

a. Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn

b. Vô Thượng Sĩ, Quân Tử, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, Điều Ngự.

c. Như Lai, Ứng Cúng, Bồ Tát, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ.

d. Vô Lượng Phước, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

37. Vì sao Đức Phật được trời người tôn kính?

- a. Vì Ngài là người có đầy đủ phước đức và trí tuệ.
- b. Vì Ngài hy sinh hạnh phúc cá nhân, từ bỏ hưởng thụ cao sang ở thế gian, xuất gia tầm đạo, giải thoát khổ đau cho chúng sanh.
- c. Vì Ngài đã khéo léo vận dụng trí tuệ phương tiện để dẫn dắt chúng sanh ra khỏi sanh tử luân hồi.
- d. a, b và c đều đúng.

38. Hoàng mẫu Ma Da thác sanh về cõi trời Đao Lợi, khi Thái tử Tất Đạt Đa chào đời được mấy ngày?
- 7 ngày.
 - 8 ngày.
 - 9 ngày.
 - 10 ngày.
39. Người ba lần âm mưu hại đức Phật bị đọa vào địa ngục là ai?
- Ông Đề Bà Đạt Đa.**
 - Chàng Vô Não.
 - Vua A Xà Thế.
 - Vua Thiện Giác.
40. Sau khi Phật nhập Niết bàn, ai kế thừa Phật lãnh đạo giáo đoàn?
- Tôn giả A Nan.
 - Tôn giả Ca Diếp.**
 - Tôn giả Xá Lợi Phất.
 - Lãnh đạo tập thể.
41. Ai là người cúng dường tinh xá Kỳ Viên cho Đức Phật?
- Trưởng giả Cấp Cô Độc
 - Trưởng giả Cấp Cô Độc và thái tử Kỳ Đà.**
 - Vua A Dục.
 - Vua A Xà Thế.
42. Ai cúng dường nhà ả sĩ Tất Đạt Đa bát cháo sữa?
- Chú bé chăn trâu.
 - Cô gái Sujata.**
 - Ông lão nông dân.
 - Người hành khất.
43. Ai đã cúng dường cỏ Kusa cho nhà ả sĩ Tất Đạt Đa trước khi thiên định dưới cội Bồ Đề?
- Ông lão nông dân.
 - Cô gái chăn bò Sujata.
 - Người hành khất
 - Chú bé chăn trâu.**
44. Vị đệ tử xuất gia sau cùng của đức Phật là ai?
- Tôn giả Ca Na Đề Bà.
 - Tôn giả La Hầu La Đa.
 - Tôn giả Tu Bạt Đà La.**
 - Tôn giả Di Già Ca.

45. Thập đại đệ tử Tăng của Đức Phật là những vị Thánh Tăng Nào?
- Ma Ha Ca Diếp, A Nan, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Phú Lâu Na, A Na Luật, Ca Chiên Diên, Ưu Ba Ly, Tu Bồ Đề, La Hầu La.*
 - A Nan Đà, Địa Tạng, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Mục Kiền Liên*
 - Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, A Noa Hòa Tu, Phú Lâu Na, A Na Luật.*
 - Ưu Ba Ly, Tu Bồ Đề, La Hầu La, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Mục Kiền Liên*
46. Ai là người sinh tâm hại Phật, đã biết quay đầu sám hối, quy y hướng Phật?
- Đề Bà Đạt Đa.*
 - Vô Nã.*
 - Vua A Xà Thế.*
 - Đáp án b và c.*
47. Vị vua nào cúng dường vườn Ngự Uyển cho đức Phật và Tăng đoàn làm nơi trú ngụ?
- Vua Thiện Giác.*
 - Vua Tịnh Phạn.*
 - Vua A Xà Thế.*
 - Vua Tần Bà Sa La.*
48. Hai tôn giả nào đã hướng dẫn 250 vị ngoại đạo quy y làm đệ tử Phật?”
- Tôn giả Ca Diếp và Xá Lợi Phất.*
 - Tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên.*
 - Tôn giả Ca Diếp và Mục Kiền Liên.*
 - Tôn giả Xá Lợi Phất và A Nan.*
49. Theo lịch sử Phật giáo Bắc tông, khi Thành đạo đức Phật bao nhiêu tuổi?
- 35 tuổi.*
 - 30 tuổi.*
 - 29 tuổi.*
 - 36 tuổi.*
50. Đức Phật có bao nhiêu tướng tốt, bao nhiêu vẻ đẹp?
- 18 tướng tốt, 80 vẻ đẹp*
 - 36 tướng tốt, 32 vẻ đẹp*
 - 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp*
 - 80 tướng tốt, 32 vẻ đẹp*
51. Theo lịch sử Phật giáo Bắc tông, đức Phật xuất gia vào năm bao nhiêu tuổi?
- 20 tuổi.*
 - 29 tuổi*
 - 35 tuổi.*

d. 19 tuổi.

52. Sau khi Phật nhập Niết bàn, ai triệu tập hội nghị kết tập kinh điển lần thứ I?

- a. Tôn giả A Nan.
- b. **Tôn giả Ca Diếp.**
- c. Tôn giả Ca Chiên Diên.
- d. Tập thể giáo đoàn lãnh đạo.

53. Ai là người cúng dường đức Phật bữa cơm cuối cùng?

- a. **Ông Thuần Đà.**
- b. Ông Cấp Cô Độc.
- c. Ông Tu Đạt Đa.
- d. Vua Ba Tư Nặc.

54. Theo Phật học Phổ thông, đức Phật nhập Niết bàn ở đâu?

- a. Dưới cây Vô ưu.
- b. Rừng cây Tất bát la.
- c. Dưới cội Bồ Đề.
- d. **Rừng Sa La.**

55. Những lời dạy sau cùng của đức Phật được ghi trong quyển kinh nào?

- a. **Kinh Di Giáo.**
- b. Kinh Lăng Nghiêm.
- c. Kinh Hoa Nghiêm.
- d. Kinh Pháp Hoa.

56. Nhà ẩn sĩ Tất Đạt Đa thả bát vàng trôi ngược dòng sông ở đâu?

- a. Sông Hằng.
- b. Sông Kshipra.
- c. **Sông Ni Liên Thiên.**
- d. Sông Kaveri.

57. Thí chủ nào đã trải vàng mua đất xây cất Tinh xá cúng dường đức Phật và Tăng đoàn?

- a. Thái tử Kỳ Đà.
- b. Ông Thuần Đà.
- c. **Trưởng giả Cấp Cô Độc.**
- d. Nữ thí chủ Tỳ Xá Khư.

58. Ngôi Tinh xá đầu tiên cúng dường cho đức Phật và Tăng đoàn được đặt tên là gì?

- a. Kỳ Viên Tinh Xá.
- b. **Trúc Lâm Tinh Xá.**
- c. Trùng Các Giảng Đường.

d. Đông Các Giảng Đường.

59. Vị đệ tử nào của đức Phật được tôn xưng là “Thần thông đệ nhất”?

- a. Tôn giả Ca Diếp.
- b. Tôn giả Xá Lợi Phất.
- c. **Tôn giả Mục Kiền Liên.**
- d. Tôn giả Phú Lâu Na.

60. Tỳ kheo ni đầu tiên chứng quả A la hán là vị nào?

- a. Bà Da Du Đà La.
- b. Bà Khế Ma.
- c. Bà Mạt Lợi.
- d. **Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề.**

61. Sau khi Thành đạo, đức Phật hóa độ những vị nào đầu tiên?

- a. Phụ hoàng Tịnh Phạn.
- b. Nhóm anh em Da Xá.
- c. **Nhóm anh em Kiều Trần Như.**
- d. Vua Tần Bà Sa La.

62. Vì sao Đức Phật quyết định chuyển bánh xe chánh pháp giáo hóa chúng sinh?

- a. Vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.
- b. Vì bản tánh của chúng sanh vốn thanh tịnh như hoa sen.
- c. Vì tất cả chúng sinh cõi Ta bà đều có Phật tánh, nên có thể chứng được đạo giải thoát giống như Ngài.
- d. **Đáp án a,b và c.**

63. Sơ Tổ của Ni giới Phật giáo là vị nào?

- a. Nữ Tôn giả Khema
- b. **Thánh tổ Ni Kiều Đàm Di. (Ma Ha Ba Xà Ba Đề)**
- c. Nữ tôn giả Uppalavanna (Liên Hoa Lâm),
- d. Nữ tôn giả Patàcàrà (Chi-đà-la-da-đa)

64. Thập đại đệ tử Ni của Đức Phật là những vị Thánh tổ Ni giới nào?

a. **Nữ tôn giả Mahapajapati, Nữ tôn giả Khema, Nữ tôn giả Uppalavanna, Nữ tôn giả Dhammadinna, Nữ tôn giả Patacara, Nữ tôn giả Kisagotami, Nữ tôn giả Bimba, Nữ tôn giả Bhadda Kudalakesa, Nữ tôn giả Soma, Nữ tôn giả Nanda.**

b. Nữ tôn giả Liên Hoa Sắc, Nữ tôn giả Khema, Nữ tôn giả Chi Đà La, Nữ Phật tử Tỳ Xá Khư, Hoàng hậu Vi Đề Hy.

c. Nữ tôn giả Mahapajapati, Nữ tôn giả Khema, Nữ tôn giả Uppalavanna, Nữ Phật tử Tỳ Xá Khư, Hoàng hậu Vi Đề Hy.

d. **Đáp b và c đều đúng.**

65. Tiên thân của Đức Phật A Di Đà khi còn là vị vua tài đức Ngài tên là gì?

- a. Vua Tịnh Phạn
- b. Vua Ba Tư Nặc
- c. Vua Tần Bà Sa La
- d. Vua Vô Tránh Niệm

66. Khi đang tu hành, tỳ kheo Pháp Tạng phát ra bao nhiêu lời nguyện?

- a. 49 lời nguyện.
- b. 21 lời nguyện.
- c. 48 lời nguyện.
- d. 12 lời nguyện.

67. Danh hiệu Phật A Di Đà có ý nghĩa là gì?

- a. Vô Lượng Thọ.
- b. Vô Lượng Quang.
- c. Vô Lượng Công Đức.
- d. Đáp án a, b và c.

68. Cảnh giới Đức Phật A Di Đà gọi là gì?

- a. Cõi Tây Phương thế giới.
- b. Cõi Cực lạc thế giới.
- c. Cõi Tịnh độ thế giới.
- d. Đáp a, b và c.

69. Danh hiệu Phật A Di Đà, được vị Phật nào giới thiệu?

- a. Phật Dược Sư.
- b. Phật Đa Bảo.
- c. Phật Thích Ca Mâu Ni.
- d. Phật Nhiên Đăng.

70. Cõi Tây phương Cực lạc được miêu tả như thế nào?

- a. Có hàng cây, màn lưới, lang can, toàn bằng trân bảo.
- b. Có cát bằng vàng ròng, ao thất bảo, hoa sen báu.
- c. Có chim thuyết pháp, nước bát công đức, thanh tịnh trang nghiêm.
- d. Đáp án a, b và c.

71. Những điều kiện nào để vãng sanh về cõi Cực lạc?

- a. Nguyện vãng vàng, không thối chuyển.
- b. Niệm Phật liên tục, không dừng nghỉ.
- c. Tín sâu, hạnh bền bỉ, nguyện vãng vàng.
- d. Tín theo Phật, làm việc thiện.

72. Ba đức tin vãng sanh về Tịnh độ gồm những gì?

- a. Tín Phật, tín Pháp, tín Tăng.

- b. *Tin Phật, tin Pháp, tin Người.*
- c. ***Tin Phật, tin Pháp, tin Minh.***
- d. *Đáp án a, b và c.*

73. **Trì danh niệm Phật là gì?**

- a. *Là vâng giữ danh hiệu Phật.*
- b. ***Là niệm Phật liên tục, khi đi, đứng, nằm, ngồi.***
- c. *Là vừa lay, vừa niệm Phật suốt không nghỉ.*
- d. *Là vừa niệm Phật, vừa làm việc thiện.*

74. **Thật tướng niệm Phật là gì?**

- a. *Niệm Phật hợp nhất với chân tâm.*
- b. *Niệm Phật đạt đến lý tánh tuyệt đối.*
- c. *Niệm Phật đến vô niệm, nhưt tâm bất loạn, thành Phật.*
- d. ***Đáp án a, b và c.***

75. **Vì sao Phật tử nên thường niệm Phật Di Đà?**

- a. *Để chuyển hóa vọng tưởng điên đảo, không nghĩ điều xằng bậy.*
- b. *Để cho tâm luôn được thanh tịnh an lạc.*
- c. *Câu sanh Tịnh độ.*
- d. ***Đáp án a, b và c.***

76. **“Tam bảo” gồm những gì?**

- a. *Giới, định, tuệ.*
- b. *Vô thường, vô ngã, Niết bàn.*
- c. ***Ba ngôi quý báu Phật, Pháp, Tăng.***
- d. *Văn, tư, tu.*

77. **Quy y Tam bảo có nghĩa là gì?**

- a. *Trở về nương tựa với ba ngôi báu tự tâm.*
- b. *Đến chùa đăng ký quy y Tam bảo.*
- c. *Phật, Pháp, Tăng là ba ngôi báu ở thế gian.*
- d. ***Trở về nương tựa Phật, Pháp, Tăng.***

78. **Định nghĩa Phật, pháp, Tăng là gì?**

- a. ***Phật là bậc giác ngộ hoàn toàn; Pháp là lời dạy hay của Đức Phật; Tăng là Tăng đoàn hòa hợp của Đức Phật, sống cùng nhau trong nếp sống hòa kính.***
- b. *Là Tam pháp ấn*
- c. *Là đáng tối cao.*
- d. *Đáp án b và c.*

79. **Bồn phận của Phật tử đối với chư Tăng, chư Ni là gì?**

- a. *Chỉ biết thầy mình.*
- b. *Chỉ cung kính và nghe theo những vị mình ngưỡng mộ.*

c. Bởi vì chư Tăng Ni là hình mẫu đại diện Tăng đoàn hòa hợp của Đức Phật, nên phải hết lòng cung kính, nương theo chư Tăng, chư Ni để học tập đạo lý và tu tập đúng chánh pháp.

d. Có quyền quy y nhiều thầy Bốn sư một lúc, hoặc thay đổi theo ý muốn.

80. Ngũ giới (Năm giới) gồm những giới nào?

a. không vụng trộm, không tà tâm, không nói dối, không thật thà, không uống rượu

b. Không trộm cắp, không dâm dục, không nói, không nói hai lời, không uống rượu

c. **Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.**

d. Không sát sanh, không cướp giết, không tà dâm, không nói dối, không sử dụng các chất gây nghiện.

81. Quy y Phật, quy y pháp, quy y Tăng sẽ không bị đọa lạc vào đâu?

a. A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ

b. **Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.**

c. Ngạ quỷ, A-tu-la, súc sanh.

d. Súc sanh, thần, A-tu-la.

82. Bát quan trai giới là những giới nào?

a. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, Không nói dối, không ăn phi thời.

b. Không nói dối, không uống rượu, không đeo tràng hoa, xoa hương thơm vào mình, không nằm giường cao tốt rộng đẹp, không ăn phi thời.

c. Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, Không nói dối, không uống rượu, không đeo tràng hoa.

d. **Không sát sanh; không trộm cắp; không dâm dục; Không nói dối; không uống rượu; Không tham gia múa hát và không trang điểm; Không nằm ngồi nơi quá cao tốt đẹp; Không ăn phi thời;**

83. Bát quan trai giới là pháp tu dành cho đối tượng nào?

a. **Người tại gia học hạnh xuất gia áp dụng trong 1 ngày 1 đêm.**

b. Người cư sĩ tu hạnh xuất gia trong 24 giờ hoặc tu suốt đời.

c. Người cư sĩ tu giảm bớt sự dục vọng thế gian.

d. Người tại gia đồng mãnh tinh tấn.

84. Vì sao Phật tử phải giữ giới không uống rượu?

a. Vì rượu làm say mê, tối tâm trí, giảm sức khỏe, sống tiêu cực, có khả năng phạm pháp.

b. Vì rượu là nguyên nhân gây nên nhiều tội lỗi, chết đi sanh lại, luân hồi nhiều kiếp trong tối tăm si ám.

c. Vì rượu làm cho mất kiểm soát lời nói, hành vi và tư duy.

d. **Đáp án a, b và c.**

85. Vì sao Phật tử không nên nằm ngòì giường cao đẹp, rộng lớn trong thời gian tu tập Bát quan trai giới?

- a. Kiệm phước và ngăn ngừa thân xác không cho buông lung.
- b. Để tránh mọi cảm nghĩ khoái lạc của giường cao rộng lớn.
- c. Để tránh cảm giác có thể kích thích lòng ham muốn bất chính của xác thân.
- d. **Đáp án a, b, và c.**

86. Khi đang cầm kính mà muốn xá chào người khác, Phật tử phải làm thế nào?

- a. Không kẹp kính vào nách và xá chào.
- b. Đặt kính giữa hai tay và xá chào.
- c. Một tay cầm kính một tay chào.
- d. **Ôm kính vào ngực, bày tỏ lòng cung kính chấp tay cúi chào, miệng niệm “Mô Phật” hoặc “Nam Mô A Di Đà Phật”.**

87. Lợi ích của sự giữ giới là gì?

- a. Giới luật chính là bậc thang đầu của đạo quả giác ngộ, là nền tảng của thiền định, trí tuệ.
- b. Giới luật chính là ngọc anh lạc để trang nghiêm pháp thân, là thuyền bè để đưa người qua bể khổ sanh tử.
- c. Giới luật chính là kho tàng vô lượng công đức.
- d. **Đáp án a, b và c.**

88. “Giới như vàng nhật sáng, quý báu như ngọc châu ma ni, các vị Bồ tát đều do trì giới thanh tịnh mà thành Chánh giác” được trích dẫn từ đâu?

- a. Kinh Thập Thiện Nghiệp.
- b. Kinh Bát Đại Nhân Giác.
- c. **Kinh Phạm Võng.**
- d. Kinh Di giáo.

89. Vì sao Phật giáo cấm sát sinh?

- a. Tôn trọng Phật tánh bình đẳng.
- b. Nuôi dưỡng lòng từ bi và tránh nhân quả oán thù.
- c. Tôn trọng mạng sống.
- d. **Đáp án a, b và c.**

90. Giới thứ 4 trong ngũ giới, “Giới Không Nói Dối” gồm những cách nói nào?

- a. Nói dối, nói lười đôi chiều, nói lời hung ác.
- b. **Không Nói dối, không nói thêu dệt, không nói lười hai chiều, không nói lời hung ác.**
- c. Nói thêu dệt, nói lười hai chiều, nói lời hung ác.
- d. Nói dối, nói thêu dệt, nói tục, nói lời hung ác.

91. Thọ trì ngũ giới (Năm nguyên tắc đạo đức căn bản) được lợi ích gì?

- a. Ngăn ngừa làm điều sai trái, Đem lại an vui, hạnh phúc cho gia đình.
- b. Lợi ích thiết thực cho bản thân, gia đình và xã hội.
- c. Góp phần làm an sinh xã hội.
- d. **Đáp án a, b và c.**

92. Theo Phật học phổ thông, Phật tử tại gia cần quy y và thọ trì bao nhiêu giới?

- a. Thọ tam quy và Bát quan trai giới.
- b. Thọ Tam quy và Thập giới.
- c. Thọ Ngũ giới và Tam giới.
- d. **Tam quy và ngũ giới.**

93. Bốn chúng đệ tử của đức Phật gồm những chúng nào?

- a. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di.
- b. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cận trụ nam và Cận sự nữ.
- c. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Sa di, Sa di ni.
- d. **Đáp án a và b.**

94. Bốn phận của người Phật tử đối với Tam Bảo là gì?

- a. Hộ trì Tam bảo; giữ vững niềm tin chánh tín đối với Tam Bảo; Không dễ bị lợi dụng, không gây mất niềm tin trong Tăng đoàn; Giữ gìn truyền thống Phật giáo; Bảo vệ đồ vật trong chùa; quý kính Phật, pháp, Tăng; Khuyến khích người hướng thiện và quy hướng về Tam bảo; thờ Phật và trì tụng kinh chú của Phật.
- b. Phụng sự Tam Bảo, xem Tam Bảo là ngôi nhà tâm linh đáng được trân trọng, là nơi bình yên.
- c. Trân quý phụng thờ Phật pháp Tăng.
- d. **Quy kính Tam Bảo.**

95. Theo Phật giáo Bắc truyền, Niết bàn gồm có mấy loại?

- a. Một loại: Vô thượng Niết bàn.
- b. Hai loại: Vô trụ xứ Niết bàn và Tánh tịnh Niết bàn.
- c. Ba loại: Hữu dư Niết bàn, Vô dư Niết bàn và Vô trụ xứ Niết bàn.
- d. **Bốn loại: Hữu dư y Niết bàn, Vô dư y Niết bàn, Vô trụ xứ Niết bàn, Tự tánh thanh tịnh Niết bàn.**

96. Theo Phật học Phổ thông, đức Phật chuyển pháp luân với bài pháp đầu tiên là gì?

- a. **Tứ Diệu Đế.**
- b. Tứ Chánh Cần.
- c. Tứ Vô Lượng Tâm.
- d. Tứ Như Ý Túc.

97. Tứ thánh đế hay gọi Tứ diệu đế gồm những gì?
- Từ, bi, hỷ, xả.*
 - Thường, lạc, ngã, tịnh.*
 - Khổ, tập, diệt, đạo.**
 - Đáp án a, b và c.*
98. Theo Phật học Phổ thông, khổ đế là gì?
- Là những điều làm khó chịu, đau khổ.*
 - Là chân thật đúng đắn vững chắc, rõ ràng.*
 - Đáp án a và b.**
 - Là con đường diệt khổ.*
99. Tam khổ trong Khổ đế gồm những gì?
- Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ.**
 - Ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ.*
 - Già khổ, bệnh khổ, chết khổ.*
 - Thân khổ, tâm khổ, cảm xúc khổ.*
100. Trong Tứ diệu đế, chi phần nào là nguyên nhân của khổ?
- Khổ đế.*
 - Tập đế.**
 - Diệt đế.*
 - Đạo đế.*
101. Khổ đế thuộc về nhân hay quả?
- Thuộc về nhân.*
 - Thuộc về quả.**
 - Vừa là nhân, vừa là quả.*
 - Không thể xác định.*
102. Bát khổ trong khổ đế gồm những gì?
- Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ, đau khổ, sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ và tử khổ.*
 - Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ và ngũ ấm xí thạnh khổ.**
 - Đáp án a và b.*
 - Sanh khổ, lão khổ, già khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ và ngũ ấm xí thạnh khổ.*
103. “Thấy mặt kẻ thù như kim đâm vào mắt, ở chung với người nghịch như ném mật nằm gai” câu thơ trên ví cho loại khổ nào?
- Khổ do tình duyên ngang trái.*
 - Khổ do thù ghét nhau mà vẫn gặp nhau. (oán tắng hội khổ)**
 - Khổ về tình cảm.*
 - Đáp án a, b và c.*

104. Xa cách người mình thương yêu thuộc về phần nào trong tám khổ?

- a. Cầu bất đắc khổ.
- b. Ái biệt ly khổ.
- c. Oán tăng hội khổ.
- d. Đáp án a, b và c.

105. Cầu Bất đắc khổ là chỉ cho trường hợp nào?

- a. Thất vọng vì công danh.
- b. Thất vọng vì tiền tài.
- c. Thất vọng vì tình duyên.
- d. Đáp án a, b và c đều đúng.

106. Theo Phật học Phổ thông, Tập đế nghĩa là gì?

- a. Là nguyên nhân của những nỗi khổ đã chứa nhóm, tích trữ lâu đời, lâu kiếp.
- b. Là cội gốc sanh tử, luân hồi khổ đau của chúng sinh.
- c. Là phiền não mê lầm, kiến hoặc và tư hoặc.
- d. Đáp án a, b và c.

107. Bát Chánh Đạo là gồm những gì?

- a. Gồm: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định
- b. Gồm: Khổ, tập, diệt, đạo, từ, bi, hỷ, xả.
- c. Gồm: Tín, hạnh, nguyện, từ, bi, hỷ và xả.
- d. b và c.

108. Ngã mạn có nghĩa là gì?

- a. Tự cho mình là giỏi hơn người.
- b. Hơn người ít mà nghĩ mình hơn nhiều.
- c. Ý mình hay giỏi mà lấn lướt người.
- d. Đáp án a, b và c.

109. Thập nhị nhân duyên là gì?

- a. Tăng thượng mạn, vô gián duyên, sở duyên duyên, vô minh, hành, thức, danh sắc, lục căn, lục trần, thọ.
- b. Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sanh lão, Tử
- c. Vô minh, lục căn, lục trần, thọ, hành, thức, khổ, tập, diệt, đạo, Bát chánh đạo.
- d. Ngũ căn, ngũ lục, Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, thọ, ái, thủ, sanh, lão, tử.

110. Lục Nhập trong Thập nhị nhân duyên bao gồm những gì?

a. Lục nhập là chỉ cho 6 cặp đôi tương quan: Mắt, tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý tương quan mật thiết với Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp.

b. Hay còn được gọi là sáu nội ngoại xứ là một thuật ngữ chỉ cho sáu cặp cơ quan-đối tượng của các giác quan và là liên kết thứ 5 trong chuỗi 12 nhân duyên.

c. Lục nhập bao gồm: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý và Sắc Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp.

d. **Đáp án a,b và c.**

111. Chánh mạng là gì?

a. **Nghề nghiệp chân chánh.**

b. Quyền lợi chân chánh.

c. Đạo nghiệp chân chánh.

d. Việc làm chọn chánh.

112. Tà kiến nghĩa là gì?

a. Là làm chấp sai lầm, trái với sự thật, trái với luật nhân quả, chạy theo giáo pháp lạ,

b. Là mê tín dị đoan, không phân biệt được đúng sai, chánh tà.

c. **Đáp án a và b.**

d. Là chấp chặt luôn làm theo ý mình.

113. “Kiết sử” trong Phật giáo gồm những gì?

a. Năm độn sử.

b. Năm triền cái.

c. **Năm độn sử và năm lợi sử.**

d. **Đáp án a, b và c**

114. Hãy cho biết “Tham, sân, si, mạn, nghi” thuộc về nhóm phiền não nào?

a. **Ngũ độn sử.**

b. Ngũ lợi sử.

c. Ngũ dục sử.

d. **Đáp án a, b và c.**

115. Lục độ (Lục độ Ba la mật) được sắp xếp theo thứ tự nào?

a. **Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.**

b. Trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, bố thí, trí tuệ.

c. Trí tuệ, thiền định, bố thí, tinh tấn, trì giới, nhẫn nhục.

d. Nhẫn nhục, bố thí, thiền định, trì giới, tinh tấn, trí tuệ.

116. Nhẫn nhục Ba la mật đúng nghĩa cần thực tập rốt ráo những gì?

a. **Thân nhẫn, khẩu nhẫn, ý nhẫn.**

b. Kiểm lòng tham và xoá bỏ hận thù.

c. Yêu thương mọi loại.

d. *Đẹp bỏ bản ngã.*

117. Bồ thí có ba cách gồm những gì?

- a. *Tài thí, pháp thí, bình đẳng bố thí.*
- b. *Nội tài thí, ngoại tài thí, vô úy thí.*
- c. ***Tài thí, pháp thí, vô úy thí.***
- d. *Quá khứ thí, hiện tại thí, vị lai thí.*

118. Thế nào là Bồ thí Ba La Mật?

- a. *Bố thí để cầu phước báu nhân thiên.*
- b. *Bố thí để được mọi người biết là mình cũng có tấm lòng nhân hậu.*
- c. ***Bố thí không thấy mình là người cho, kia là người nhận và vật để bố thí.***
- d. *Bố thí không kể công, cúng dường không ý lại.*

119. Vô úy thí nghĩa là gì?

- a. ***Giúp người không sợ sệt.***
- b. *Giúp người không còn ngại ngùng.*
- c. *Giúp người không còn xấu hổ.*
- d. *Giúp người không còn tự ti.*

120. Tinh tấn là gì?

- a. *Siêng năng đi chùa lễ Phật, nghe giảng pháp.*
- b. *Siêng năng làm công quả.*
- c. ***Siêng năng bỏ ác, làm lành, hướng đạo đức, không bỏ cuộc, giữ vững niềm tin.***
- d. *Siêng năng tu tập, dù gặp nghịch cảnh cũng không thối lui.*

121. 37 pháp trợ đạo gồm những pháp nào?

- a. *Tứ niệm xứ; Tứ chánh cần; Tứ hoàng thế nguyện; Ngũ căn; Ngũ lực; Thất giác chi; Bát chánh đạo.*
- b. *Tứ như ý túc; Lục căn; Lục trần; Thất giác chi; Bát chánh đạo. Tứ niệm xứ; Tứ chánh cần.*
- c. *Tứ chánh cần; Tứ diệu đế; Ngũ căn; Ngũ lực; Thất phần chuyển luân; Bát chánh đạo; Tứ niệm xứ;*
- d. ***Tứ niệm xứ; Tứ chánh cần; Tứ như ý túc; Ngũ căn; Ngũ lực; Thất giác chi; Bát chánh đạo.***

122. Thứ tự nào sau đây của Thất bồ đề phần là đúng?

- a. *Trạch pháp, tinh tấn, khinh an, niệm, định, hỷ, xả.*
- b. *Trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, xả, niệm, định.*
- c. *Tinh tấn, trạch pháp, khinh an, hỷ, xả, niệm, định.*
- d. ***Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả.***

123. Tứ chánh cần là gì?

a. *Tinh tấn dứt trừ những điều ác đã sanh, Tinh tấn dứt trừ những điều ác chưa phát sanh, Tinh tấn phát triển điều thiện chưa sanh, làm cho sanh thiện, Tinh tấn phát triển điều thiện đã sanh.*

b. *Những điều ác chưa phát sanh, đừng cho nó sanh khởi.*

c. *Điều thiện chưa sanh, làm cho sanh trưởng.*

d. *Tinh tấn phát triển điều thiện đã sanh.*

124. Thứ bậc của pháp quán từ bi là gì?

a. *Chúng sanh duyên từ, pháp duyên từ, vô duyên từ.*

b. *Pháp duyên từ, chúng sanh duyên từ, vô duyên từ.*

c. *Vô duyên từ, chúng sanh duyên từ, pháp duyên từ.*

d. *Chúng sanh duyên từ, vô duyên từ, pháp duyên từ.*

125. Quán chúng sanh duyên từ là gì?

a. *Quan sát cảnh khổ của chúng sanh mà phát khởi lòng từ bi.*

b. *Quan sát cảnh khổ của chúng hữu tình mà phát khởi lòng từ bi.*

c. *Quan sát cảnh khổ của mọi loài mà phát khởi lòng từ bi.*

d. *Quan sát cảnh khổ của chúng sanh, chúng hữu tình và mọi loài mà phát khởi lòng từ bi.*

126. Tứ niệm xứ là bốn pháp quán nào?

a. *Quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.*

b. *Quán dục, tinh tấn, hỷ, nhất tâm.*

c. *Quán từ, bi, hỷ và xả.*

d. *Đáp án a, b và c*

127. Trong Tứ niệm xứ, dùng pháp nào để đối trị khi tâm bị vướng mắc vào đối tượng của sắc, có khả năng chuyển hoá ái dục?

a. *Quán tâm vô thường.*

b. *Quán pháp vô ngã.*

c. *Quán thọ thị khổ.*

d. *Quán thân bất tịnh.*

128. Tứ nhiếp pháp gồm những gì?

a. *Bố thí, trì giới, niệm Phật, ăn chay.*

b. *Ái ngữ, lợi hành, tụng kinh, nghe giảng pháp.*

c. *Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.*

d. *Trì chú, ngói thiên, tụng kinh, niệm Phật.*

129. Ngũ căn là gì?

a. *Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân.*

- b. *Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.*
- c. *Nhãn, ý, thân, tâm, nhĩ.*
- d. **Đáp án a và b.**

130. Tinh thần siêng năng tu tập không mệt mỏi được gọi là gì trong Ngũ căn?

- a. *Tín căn.*
- b. **Tấn căn.**
- c. *Định căn.*
- d. *Niệm căn.*

131. Căn bản phiền não gồm những phiền não nào?

- a. **Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.**
- b. *Sanh, lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tăng hội, ngũ ấm xí thạnh.*
- c. *Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến.*
- d. *Đáp án a và c.*

132. Theo Phật giáo Bắc truyền, năm món lợi sử gồm những gì?

- a. **Thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến.**
- b. *Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến.*
- c. *Đáp án a và b.*
- d. *Tham, sân, thù miên, trạo cử, nghi.*

133. Theo Phật giáo Bắc truyền, năm món độn sử là gì?

- a. **Tham, sân, si, mạn, nghi.**
- b. *Thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến.*
- c. *Sắc, thanh, hương, vị, xúc.*
- d. *Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân.*

134. Chưa chứng Thánh quả mà cho là chứng thuộc về loại kiêu mạn nào?

- a. *Ngã mạn.*
- b. **Tăng thượng mạn.**
- c. *Tà mạn.*
- d. *Mạn quá mạn.*

135. Không tin vào khả năng của mình thuộc về loại kiêu mạn nào?

- a. *Quá mạn.*
- b. **Ty liệt mạn.**
- c. *Kiêu mạn.*
- d. *Ngã mạn.*

136. Biểu hiện của Tham là gì?

- a. *Dòm ngó, theo dõi những gì ưa thích.*
- b. *Lập mưu này, chước nọ để chiếm đoạt.*
- c. *Được bao nhiêu cũng không cảm thấy đủ.*
- d. **Đáp án a, b và c.**

137. “Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai”. Câu này hàm ý điều gì?

- a. *Một niệm sân hận nổi lên thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng đều mở.*
- b. *Một niệm sân hận là nguyên nhân tạo ra muôn vàn tội ác.*
- c. *Một niệm sân gia đình ly biệt, anh em trở thành kẻ thù.*
- d. **Đáp án a, b.**

138. “Nhất tinh chi hỏa, năng thiêu vạn khoảnh công đức chi lâm”. Câu này hàm ý điều gì?

- a. *Một đóm lửa giận có thể đốt hết muôn mẫu rừng công đức.*
- b. *Con giận là nguyên nhân làm tiêu tan cả núi công đức.*
- c. *Một ngọn lửa giận tan nhà nát cửa.*
- d. **Đáp án a và b.**

139. Tứ Vô Lượng Tâm là những pháp nào?

- a. *Từ, bi, hỷ, xả*
- b. *Bố thí, từ, bi và hỷ*
- c. *Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự*
- d. *Khổ, tập, diệt, đạo.*

140. Lục hòa gồm những gì?

- a. *Thân hòa, khẩu hòa, ý hòa, giới hòa, kiến hòa và lộc hòa.*
- b. *Thân hòa, khẩu hòa, ý hòa, đức hòa, kiến hòa và lợi hòa.*
- c. *Thân hòa, khẩu hòa, ý hòa, giới hòa, tri hòa và lợi hòa.*
- d. **Thân hòa, khẩu hòa, ý hòa, giới hòa, kiến hòa và lộc hòa.**

141. Thân hòa đồng trú là gì?

- a. *Sống trong một nhà trên thuận dưới hòa, đoàn kết thương yêu.*
- b. *Làm việc trong một tập thể phải biết tôn trọng, kính trên nhường dưới.*
- c. *Cùng là Phật tử (đệ tử của Đức Phật) phải biết hòa kính, thương yêu, bảo vệ nhau trong tình đồng đạo.*
- d. **Đáp án a, b và c.**

142. Như thế nào là Khẩu hòa không tranh?

- a. *Lời nói mật ngọt, khen ngợi nịnh hót.*
- b. *Nói lời mong làm vui lòng người.*
- c. **Nói lời hòa nhã, dịu dàng, chân thật, hòa thuận, mang lại an vui cho tập thể.**
- d. *Tâng bốc, ca ngợi mong được người chú ý.*

143. Thất bồ đề phần có nghĩa là gì?

- a. Là bảy phương pháp giúp người niệm Phật vắng sanh.
- b. Là bảy phương pháp giúp con người sống an lành trong hiện đời.
- c. Là bảy phương pháp có khả năng dẫn đến sự giàu sang, phú quý.
- d. Là bảy phương pháp tu tập tuần tự hướng đến sự giác ngộ, giải thoát, an lạc.

144. Kinh Pháp Hoa ghi: "Vì một nhân duyên lớn, Phật xuất hiện ra đời", vậy nhân duyên lớn ấy là gì ?

- a. Dạy cho chúng sanh trì trai giữ giới.
- b. Khiến chúng sanh biết nhân quả nghiệp báo mà tu hành.
- c. Khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến.
- d. Dạy tu tập thiền định.

145. Trong Kinh Pháp Cú Đức Phật có dạy:

- a. "Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ ý tạo, nếu với ý thanh tịnh, nói lên hay hành động, an lạc mãi theo sau như bóng không rời hình."
- b. "Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ ý tạo, nếu với ý ô nhiễm, nói lên hay hành động, khổ não bước theo sau, như chân bị xe kéo"
- c. " Tâm làm chủ ý tạo, nghiệp khổ vui mình hưởng, an lạc hay khổ đau, tự mình làm mình chịu"
- d. **Đáp án a và b.**

146. Câu kệ nào sau đây phù hợp với lời dạy của Đức Phật trong Kinh Phước Đức?

- a. "Lánh xa kẻ xấu ác, được tạo tác nhân lành, được đi trên đường chánh, là phước đức lớn nhất."
- b. Không say sưa nghiện ngập, tinh cần làm việc lành, hành xử không tỳ vết, là phước đức lớn nhất."
- c. "Được cung phụng mẹ cha, yêu thương gia đình mình, được làm nghề thích hợp là phước đức lớn nhất."
- d. **Đáp án a,b và c.**

147. Câu kệ "Biết kiên trì phục thiện, thân cận người xuất gia, dự pháp đàm học hỏi, là phước đức lớn nhất" được Đức Phật dạy trong kinh nào?

- a. Trong kinh Vu Lan Báo Hiếu
- b. Trong Kinh Bát nhã Tâm kinh.
- c. **Trong Kinh Đại Phước Đức.**
- d. Trong Kinh Từ Tâm.

148. Hiệu quả của pháp quán số tức là gì?

- a. Tâm trí hết tán loạn.
- b. Trí tuệ phát sinh.

- c. Vô minh chắm dứt và bản tâm thanh tịnh.
- d. Tâm trí hết tán loạn và phát sinh trí tuệ.

149. Thiền Vipassan là gì?

- a. Là con đường tự thay đổi bằng cách tự quan sát. Phương pháp thiền này chú trọng đến tương quan mật thiết giữa tâm và thân.
- b. Là thiền quán về Tứ niệm xứ và Tứ chánh cần.
- c. Thiền Vipassana là một trong những loại hình thiền xuất hiện sớm nhất, bắt nguồn từ Ấn Độ cổ đại. Mục tiêu của thiền Vipassana là giúp bạn: Làm dịu tâm trí để sống an yên hơn; Biết chấp nhận bản chất của sự vật, sự việc; Giảm bớt sự hối tiếc bằng cách nghĩ ít hơn về quá khứ...
- d. **Đáp a và c đều đúng**

150. Quả báu tốt đẹp nào đã dành cho Đại thí chủ tín nữ Tỳ Xá Khư khi nàng thành tâm cúng dường vật phẩm Tăng đoàn đức Phật?

- a. Được Tái sanh lên cõi trời Hóa Lạc.
- b. Được làm Chánh hậu thiên chủ Su Nim Mi Ta. (Sunimmita).
- c. Được làm thiên chủ của hàng ngàn thiên nữ.
- d. **Đáp án a, b và c.**

151. Bộ Phật Học Phổ Thông do Hòa thượng nào biên soạn?

- a. Hòa thượng Thích Thiện Đức
- b. Hòa thượng Thích Thiện Hòa
- c. **Hòa thượng Thích Thiện Hoa**
- d. Hòa thượng Thích Quảng Đàm

152. Khi hành giả học Phật cần phải thực tập như thế nào?

- a. Nên ứng dụng lời dạy của đức Phật vào đời sống hằng ngày, giữ vững niềm tin chánh tín đối với Phật pháp.
- b. Học để tăng thêm sự hiểu biết.
- c. Học Phật để chánh niệm trong cách ứng xử, trong giao tiếp, ý thức trách nhiệm và bổn phận hơn đối với bản thân và gia đình. Và biết cách vượt qua phiền muộn khổ đau.
- d. **Đáp án a, và c.**

153. Khi Tôn giả A Nan gặp nạn Ma Đăng Già, đức Phật thuyết kinh gì?

- a. Kinh Lăng Già.
- b. Kinh Pháp Hoa.
- c. Kinh Hoa Nghiêm.
- d. **Kinh Lăng Nghiêm.**

154. Trong bài tựa kinh Lăng Nghiêm, tôn giả A-Nan đã phát lời thề nguyện gì?

- a. Như nhất chúng sinh vị thành Phật, chung bát u thử thủ Nê hoàn.

b. Nếu còn một chúng sinh chưa chứng quả, cảnh Niết Bàn con không dám tự an.

c. Chúng sinh độ tận, phương chúng Bồ đề.

d. **Đáp án a và b.**

155. Duyên khởi lễ Vu Lan bắt nguồn từ vị nào?

a. Tôn giả Xá Lợi Phất về thăm mẹ

b. **Tôn giả Mục Kiền Liên cứu mẹ.**

c. Tôn giả A Nan.

d. Tôn giả Tu Bồ Đề.

156. Ngài Mục Kiền Liên đã chứng lục thông, sao không tự cứu mẹ, mà phải nhờ sức chú nguyện của chư Tăng?

a. Do thần thông bắt lực trước quả xấu quá nặng.

b. Sức chú nguyện và chuyển hoá nghiệp của chư Tăng mạnh hơn thần thông.

c. Nhờ sức chuyển hoá của chư Tăng, bà Thanh Đề sanh tâm hối hận, được giải thoát.

d. **Do nghiệp lực quá xấu ác, cần phải nhờ sức chú nguyện của chư Tăng, chuyển hoá nghiệp, khiến bà Thanh Đề sinh tâm hối hận xả bỏ lòng bợn xén mới thoát khỏi địa ngục khổ đau.**

157. Vì sao trong kinh Phụ Mẫu Báo Ân, Phật lay động xương khô?

a. Vì cứu bà Thanh Đề.

b. **Vì trong đó có ông bà cha mẹ nhiều đời.**

c. Vì tôn vinh ngày cha mẹ.

d. **Đáp án a và b.**

158. Tại sao đức Phật chọn ngày rằm tháng bảy (âm lịch) để thiết lễ Vu Lan?

a. Để cứu độ những vong hồn bị treo ngược ở địa ngục do tạo nhiều nghiệp xấu ác.

b. Vì đó là ngày chư Tăng Tự tứ.

c. Vì đó là ngày chư Phật mười phương hoan hỷ.

d. **Đáp án a, b và c.**

159. Phật tử nên báo hiếu cha mẹ lúc nào?

a. Báo hiếu vào dịp lễ Vu Lan.

b. Báo hiếu sau khi cha mẹ đã qua đời.

c. Báo hiếu hằng ngày và bất kỳ lúc nào có thể và khi cha mẹ bệnh đau ốm.

d. **Đáp án a, b và c.**

160. Vì sao bà Thanh Đề không ăn được bát cơm do tôn giả Mục Kiền Liên dâng?

a. Bị quỷ đốt cháy.

- b. Bị quý giành ăn.
- c. **Bát cơm bốc cháy do nghiệp lực của bà quá nặng.**
- d. Do chịu tội nên không được ăn..

161. Tội ngũ nghịch là gồm những tội nào?

- a. Tà kiến, mê tín, hủy hoại Tam bảo, phá hòa hợp tăng, giết cha mẹ.
- b. Giết cha mẹ, giết Thầy, Vu khống, phỉ báng tăng đoàn, Làm thân Phật chảy máu, chia rẽ tăng đoàn (phá hòa hợp tăng).
- c. Chấp điều không chon chánh, trái với quy luật nhân quả.
- d. **Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, Làm thân Phật chảy máu, chia rẽ Tăng đoàn (phá hòa hợp Tăng).**

162. Ý nghĩa của việc lạy Phật là gì?

- a. Thể hiện sự cung kính đối với đức Phật.
- b. Thể hiện đời sống tôn giáo, tâm linh.
- c. Lạy Phật được năm phước báu (sống lâu, an vui, sức mạnh, sắc đẹp và trí tuệ) .
- d. **Đáp án a, b và c.**

163. Lạy Phật như thế nào mới đúng?

- a. Khi lạy Phật hai bàn tay để ngửa hoặc úp và đặt trán ở khoảng giữa hai bàn tay.
- b. Khi lạy Phật, năm vóc sát đất, tâm nghĩ đến đức hạnh của ngài để học hỏi.
- c. Trước khi lễ Phật phải súc miệng, rửa mặt, thân thể sạch sẽ, y phục trang nghiêm.
- d. **Đáp án a, b và c.**

164. Hiệu lực Đại Bi chú như thế nào?

- a. **Nhiếp phục tâm niệm, sống được an lành, gặp nhiều thiện duyên.**
- b. Mau hết tai nạn, cầu gì được đó.
- c. Thoát khỏi bệnh tật, tăng thêm tuổi thọ, mua bán thuận lợi.
- d. **Đáp án a, b và c.**

165. Mục đích của việc tụng kinh là gì?

- a. Cầu Tam bảo ban phước lành.
- b. **Ôn lại lời Phật dạy để ghi nhớ, hiểu biết và thực hành những điều lành thiện.**
- c. Để tiêu trừ nghiệp chướng, cuộc sống giàu sang.
- d. Để mở mang tâm trí, tăng trưởng kiến thức.

166. “Tin là mẹ sinh ra công đức, tin có thể thành tựu quả Bồ Đề” được nói trong kinh nào?

- a. Kinh Pháp Hoa.
- b. Kinh Niết Bàn.
- c. Kinh Di Giáo.

d. Kinh Hoa Nghiêm.

167. Vì sao phải ăn chay?

- a. Vì tăng trưởng sức khỏe, tránh nghiệp sát sanh
- b. Vì nuôi dưỡng lòng từ bi, thương mạng sống, tránh quả báo xấu ác.
- c. Vì chúng sinh ai cũng tham sống sợ chết, tôn trọng mạng sống của mỗi chúng sinh.
- d. **Đáp án b và c.**

168. Sám hối là gì?

- a. Là tự mình ăn năn, nhận ra những lỗi lầm trước đây đã tạo, nguyện sửa đổi không dám tái phạm những lỗi lầm đó nữa.
- b. "Sám giả, sám kỳ tiền khiên, hối giả, hối kỳ hậu quá" (ăn năn lỗi trước, chữa bỏ lỗi sau).
- c. Sám hối là tự mình ăn năn, hổ thẹn những lỗi lầm trước đây đã tạo, nguyện sửa đổi không dám tái phạm những lỗi lầm đó nữa. Nói cách khác Sám hối là "ăn năn chữa bỏ", đây là trọng tâm của sự sám hối.
- d. **Đáp án a, b và c.**

169. Thờ Phật như thế nào cho đúng?

- a. Có bàn thờ độc lập, cúng hoa quả, lễ bái, tụng niệm và hành trì lời Phật dạy
- b. Có thể thờ chung một bàn thờ, Phật ở trên, gia tiên ở dưới, kính thành tu niệm.
- c. Thờ Phật tạo góc tâm linh trong nhà, giúp cho thân tâm an yên, thanh tịnh.
- d. **Đáp án a, b, và c.**

170. Bổn phận của người Phật tử tại gia là gì?

- a. Có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, quyến thuộc.
- b. Có trách nhiệm đối với cá nhân, gia đình, xã hội và Phật pháp.
- c. **Có trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội, quốc gia và Tam bảo.**
- d. Có trách nhiệm đối với gia đình, xã hội và Phật pháp.

171. Người Phật tử thuần thành nên làm gì?

- a. Nên nương tựa Phật, Pháp, Tăng và giữ năm điều đạo đức.
- b. Nên thờ Phật, cúng Phật, tụng kinh, niệm Phật hằng ngày.
- c. Nên giữ giới hạnh, đi chùa, nghe pháp, sống thiện lành, có thực tập chuyển hoá.
- d. **Đáp án a, b, và c.**

172. Theo Phật học Phổ Thông, Lục trai là ăn chay vào 6 ngày nào trong tháng âm lịch?

- a. Mùng 1, 8, 14, 15, 19, 23.
- b. Mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30 (tháng thiếu ngày 28, 29).

c. Mùng 1, 8, 14, 15, 23, 30 (tháng thiếu ngày 29).

d. Mùng 1, 8, 14, 15, 29, 30 (tháng thiếu ngày 28, 29).

173. Duyên khởi Phật nói kinh Thập Thiện cho ai? Ở đâu?

a. Cho ngài Xá Lợi Phất, ở tịnh xá Trúc Lâm.

b. Cho Long Vương, ở tại cung rồng Ta Kiệt La.

c. Cho A Nan, ở tịnh xá Kỳ Viên.

d. Cho tất cả chúng hội ở núi Linh Thứu.

174. Vị Bồ tát nào thường nghe tiếng kêu khổ của chúng sanh?

a. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi

b. Bồ tát Đại Thế Chí

c. Bồ tát Quán Thế Âm

d. Bồ Tát Phổ Hiền Vương.

175. Sống có trách nhiệm với bản thân nghĩa là gì?

a. Thực hành lối sống lành mạnh, quý trọng bản thân do cha mẹ sinh ra.

b. Chỉ biết đến lợi ích bản thân, không quan tâm người khác.

c. Tu tâm dưỡng tánh, trau dồi đức hạnh, làm rạng danh dòng tộc.

d. **Đáp án a và c.**

176. Theo kinh Thiện Sanh trách nhiệm cha mẹ đối với con là gì?

a. Bắt buộc con giỏi hơn những đứa trẻ đồng trang lứa.

b. **Dạy con ngoan hiền, hiếu thuận, lễ phép, biết làm lành, lánh xa điều xấu, siêng năng học tập và thân cận người trí.**

c. Luôn chu cấp cho con bất cứ gì mà con muốn.

d. Không cho con làm việc nhà để có thời gian học hành.

177. Bổn phận của vợ đối với chồng theo kinh Thiện Sanh là gì?

a. Kính yêu, hòa thuận, biết lắng nghe, thấu hiểu, chia sẻ công việc với chồng.

b. Quán xuyến công việc nhà.

c. Giữ gìn tiết hạnh, lễ phép, đoan trang.

d. **Đáp án a, b, và c.**

178. Bổn phận của chồng đối với vợ trong kinh Thiện Sanh là gì?

a. Chỉ lo kiếm tiền nuôi sống gia đình.

b. Giao tất cả việc nội trợ cho vợ quán xuyến.

c. **Biết phát triển gia nghiệp, chăm sóc, Yêu thương, lắng nghe, chia sẻ, quan tâm gia đình và thủy chung với vợ.**

d. Gia trưởng, bắt vợ con phải theo ý mình.

179. Bổn phận của người con đối với cha mẹ là gì?

a. Hiếu thảo, chịu theo ý thích của cha mẹ, nuôi dưỡng cha mẹ, thừa kế sự nghiệp của cha mẹ để lại.

- b. Chăm sóc và hướng cha mẹ theo đường lành, Nuôi dưỡng cha mẹ; Thay thế cha mẹ gánh vác công việc nặng nhọc .
- c. Giữ gìn truyền thống gia phong; Bảo vệ tài sản được kế thừa từ cha mẹ; Khuyến khích cha mẹ hướng thiện và biết quy hướng về Tam bảo; cúng dường tạo phước khi cha mẹ qua đời.
- d. **Đáp án b và c.**

180. Vô thường biểu hiện qua những phương diện nào?

- a. **Thân vô thường, tâm vô thường, hoàn cảnh vô thường.**
- b. Thân vô thường, khẩu vô thường, hoàn cảnh vô thường.
- c. Thân vô thường, khẩu vô thường, ý vô thường.
- d. Núi sông vô thường, nhà cửa vô thường, mạng người cũng vô thường.

181. Bốn giai đoạn thay đổi của sự vật là gì?

- a. Sinh, trụ, dị, diệt.
- b. **Thành, trụ, hoại, không.**
- c. Được, mất, có, không.
- d. Thành, diệt, còn, mất.

182. Tài thí có mấy loại?

- a. Một loại là Ngoại tài.
- b. Một loại là Nội tài.
- c. **Hai loại là Nội tài và Ngoại tài.**
- d. Hai loại là tiền tài và vật chất

183. Vì sao Phật nói pháp vô thường?

- a. Cảnh tình người đời trước những thú vui, giả tạm.
- b. Đối trị tâm mê mờ, tham ái, đố kỵ, tranh đấu hơn thua, chấp thủ của chúng sanh.
- c. Đối trị đắm nhiễm dục lạc.
- d. **Đáp án a, b, và c.**

184. Người tu chứng đắc có bị vô thường chi phối không?

- a. **Vẫn bị vô thường chi phối nhưng không khổ.**
- b. Không còn bị vô thường vì đã ra khỏi sinh tử.
- c. Người chứng đắc có thân thông biến hóa nên không bị vô thường.
- d. **Đáp án a, b, và c.**

185. Câu chuyện đức vua và người lái buôn có đề cập đến tài sản của năm nhà là gì?

- a. **Nước trôi, lửa cháy, giặc cướp, sung công và vợ con phá tán.**
- b. Nhà vua, nhà mình, nhà người, nhà bà con và bệnh viện.
- c. **Đáp án a và b.**
- d. Nước trôi, lửa cháy, đại hồng thủy, sung công và vợ con phá tán.

186. Câu nào sau đây thuộc về vô thường?

- a. Sinh, lão, bệnh, tử.
- b. Tứ đại khổ không.
- c. Vạn pháp đều không.
- d. Đáp án a, b và c.

187. Thiểu dục, tri túc nghĩa là gì?

- a. Ít ham muốn, biết đủ.
- b. Không ham muốn.
- c. Ham muốn không ngừng.
- d. Chỉ người không có dục vọng.

188. Năm món dục người đời ham muốn là những gì?

- a. Tài, sắc, danh, thực, thùy.
- b. Sắc, thanh, hương, vị, xúc.
- c. Sắc, thọ, tướng, hành, thức.
- d. Đáp án a và b.

189. Phật dạy tu hạnh “thiểu dục và tri túc” để làm gì?

- a. Khuyến người an phận thủ thường.
- b. Hạn chế lòng tham lam ích kỷ và tránh nô lệ vật chất.
- c. Khuyến người đừng chạy theo danh lợi.
- d. Giúp người hài lòng với những gì đang có, không khổ đau khi chưa được như ý và tiết chế mọi ham muốn.

190. Tác hại của tham dục trong đời sống hiện tại như thế nào?

- a. Khiến con người mất lý trí.
- b. Khiến con người sống bất an.
- c. Khiến con người sống không thật lòng với nhau.
- d. Đáp án a, b và c.

191. Hạnh “thiểu dục tri túc” đối trị tâm gì?

- a. Tâm sân hận.
- b. Tâm si mê.
- c. Tâm tham.
- d. Tâm ganh tỵ.

192. Lợi ích của hạnh “thiểu dục và tri túc” là gì?

- a. Làm chủ được lòng tham.
- b. Không còn nô lệ vật chất.
- c. Xã hội được bình an.
- d. Đáp án a, b và c.

193. Tứ hoàng thệ nguyện là gì?

a. **Chúng sinh vô biên thế nguyên độ, phiền não vô tận thế nguyên đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyên học, Phật đạo vô thượng thế nguyên thành.**

b. Nguyên đoạn nhất thiết ác, nguyên tu nhất thiết thiện, nguyên độ nhất thiết chúng sinh, nguyên tu nhất thiết trí.

c. Nguyên làm con thảo, nguyên làm học trò ngoan, nguyên thực hành pháp Phật, nguyên làm các việc lành.

d. Tất cả đều đúng

194. Ngũ minh gồm những gì?

a. Công xảo minh, thanh minh, y phương minh, phát minh và nhân minh.

b. **Nội minh, nhân minh, thanh minh, công xảo minh và y phương minh.**

c. Nội minh, công minh, nhân minh, thanh minh và y phương minh.

d. Công xảo minh, nhân minh, thanh minh, y phương minh và công minh.

195. Nhân minh là gì?

a. Thông về giáo điển.

b. **Thông về biện luận.**

c. Thông về văn chương.

d. Thông về kỹ xảo.

196. Thanh minh có nghĩa là gì?

a. Liên quan đến vấn đề diễn giải, biện luận, giải thích.

b. Hướng dẫn nghệ thuật diễn giảng.

c. **Liên quan đến ngôn ngữ văn tự, và văn học.**

d. Đáp án a và b.

197. Thông qua ngũ minh, Phật giáo thể hiện được tinh thần gì nổi bật?

a. Bi quan yếm thế.

b. Tích cực.

c. Nhập thế.

d. **Đáp án b và c.**

198. “Nhân quả đồng thời” nghĩa là gì?

a. Trong nhân có quả, trong quả có nhân.

b. Nhân nào quả nấy.

c. **Nhân và quả xuất hiện cùng lúc.**

d. Nhân và quả ngay trong kiếp này.

199. Theo kinh Nhân Quả nói “Nhân nào quả nấy”, sao có người ở hiền lại gặp dữ, kẻ ác lại gặp lành?

a. Luật nhân quả vận hành lâu ngày có lúc cũng phải trục trặc.

b. Luật pháp tuy có nhiều quy định chặt chẽ, nhưng cũng có sơ hở..

c. Nhân quả không chỉ xảy ra trong đời hiện tại, mà còn liên hệ đến 3 đời (quá khứ, hiện tại và vị lai).

d. Đáp án a, b và c.

200. Do không hiểu luật nhân quả, nên dễ sanh ra điều gì?

a. Mê tín dị đoan, tin tưởng vào thần quyền.

b. Sợ hãi vô cớ, vô minh phủ che, lạc vào mê tín.

c. Lệ thuộc thần linh, sống không hạnh phúc.

d. Đáp án a, b và c.

201. Câu nào sau đây thuộc về luật nhân quả?

a. Đời cha ăn mặn đời con khát nước.

b. Bụng làm dạ chịu.

c. Gieo gió gặt bão.

d. Đáp án b và c.

202. Câu nào sau đây là đúng?

a. Đức Phật là người phát minh ra luật nhân quả.

b. Nhân quả là một chân lý mà đức Phật đã chứng ngộ.

c. Chứng ngộ về nhân quả thì không còn bị nhân quả nữa.

d. Đáp án b và c.

203. Phật tử hiểu thế nào về câu “Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”?

a. Bồ tát hiểu về nhân quả nên sợ tạo nhân xấu.

b. Chúng sanh không hiểu nhân quả nên khi quả đến mới lo sợ.

c. Câu này không đúng vì ai cũng sợ nhân quả.

d. Đáp án a và b.

204. Luật Nhân Quả do ai tạo nên?

a. Do Thần linh.

b. Do Ngẫu nhiên.

c. Do Đấng tạo hóa.

d. Do Định luật tự nhiên.

205. Nghiệp có nghĩa là gì?

a. Những hành vi, lời nói và suy nghĩ cao thượng tốt đẹp..

b. Hành động tạo tác, hoặc lành hoặc dữ.

c. Những hành vi, ngôn ngữ và tư tưởng thấp hèn tội lỗi.

d. Các hành vi, lời nói và suy nghĩ có chủ ý được lập đi lập lại

206. Theo giáo lý đạo Phật, sau khi chết con người sẽ ra sao?

a. Chết rồi mất hẳn.

b. Chết rồi vẫn tái sinh làm người, không thể sinh làm thú vật.

c. Tùy nghiệp đã tạo mà tái sinh làm người hoặc sinh vào các cõi khác.

d. Chờ thượng đế phán quyết.

207. Nghiệp nào dẫn con người đi tái sanh và ảnh hưởng mạnh ở kiếp sau rất khó giải trừ?

- a. Cận tử nghiệp và cực trọng nghiệp.
- b. Tích lũy nghiệp và tập quán nghiệp.
- c. Cận tử nghiệp và tập quán nghiệp.
- d. Đáp án a, b.

208. Nghiệp thiện của thân là gì?

- a. Không trộm cắp, không nói dối, không sân hận.
- b. Không dâm dục, không nói thêu dệt, không si mê.
- c. **Không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh.**
- d. Không tham lam, không dâm dục, không ác khẩu.

209. Sau khi mạng chung, nghiệp còn tồn tại hay không tồn tại?

- a. Không xác định.
- b. Vừa tồn tại vừa không tồn tại.
- c. Không tồn tại.
- d. **Còn tồn tại.**

210. Nghiệp thiện của miệng là gì?

- a. Không dâm dục, không nói lưỡi đôi chiều, không tham lam.
- b. **Không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời hung ác.**
- c. Không trộm cắp, không sân hận, không nói lời hung ác.
- d. Không si mê, không sát sanh, không nói dối.

211. Nghiệp thiện của ý là gì?

- a. Không trộm cắp, không nói dối, không si mê.
- b. Không dâm dục, không nói lời hung ác, không tham lam.
- c. **Không tham lam, không sân hận, không si mê.**
- d. Không sát sanh, không nói thêu dệt, không si mê.

212. Con người luân hồi trong ba cõi, sáu đường là do gì?

- a. Tham ái.
- b. Chấp thủ.
- c. Chấp ngã.
- d. **Đáp án a, b và c.**

213. Luân hồi trong Phật giáo là gì?

- a. Là bánh xe.
- b. Là xoay tròn.
- c. **Qua lại, luân chuyển trong lục đạo.**
- d. Là xoay chuyển.

214. Lục đạo chúng sanh là những cõi chúng sanh nào?

- a. Trời, A tu la, người, súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ.
- b. Trời, người, thiên, thân, địa ngục, ngạ quỷ
- c. Trời, thân, thiên, địa ngục, người, súc sanh
- d. Đáp án b và c.

215. Tứ quả Thanh văn gồm những gì?

- a. Tứ gia hạnh, Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm.
- b. Tứ gia hạnh, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán.
- c. Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán.
- d. Đáp án a và b.

216. Ngũ uẩn gồm những gì?

- a. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức
- b. Sắc, thanh, hương, vị, xúc
- c. Tài, sắc, danh, thực, thù.
- d. Sắc, tài, danh, thực, thù.

217. Kinh nào đã viết: “Ba cõi không an giống như nhà lửa”?

- a. Kinh Pháp Cú.
- b. Kinh Địa Tạng.
- c. Kinh Hoa Nghiêm.
- d. **Kinh Pháp Hoa.**

218. Lời phát nguyện “Địa ngục vị không thệ bất thành Phật” là trong kinh nào?

- a. Kinh Phổ Môn
- b. Kinh Dược Sư
- c. **Kinh Địa Tạng**
- d. Kinh Di Đà

219. Không sân hận được lợi ích gì?

- a. Xa lìa khổ não, giận hờn, tranh cãi.
- b. Tâm nhu hòa ngay thẳng.
- c. Thân tướng trang nghiêm, chúng sanh đều tôn kính.
- d. **Đáp án a, b và c.**

220. Pháp tu nào điều phục được hôn trầm thù miên?

- a. Lạy sám hối.
- b. Đi kinh hành.
- c. **Đáp án a và b.**
- d. Ngồi thiền định.

221. Vị Bồ tát nào phát nguyện cứu chúng sinh trong Địa Ngục?

- a. Bồ tát Quan Thế Âm.
- b. **Bồ tát Địa Tạng.**

- c. Bồ tát Phổ Hiền.
- d. Bồ tát Văn Thù.

222. Câu "Chớ đợi đến già mới niệm Phật, mô hoang nghĩa địa lắm kẻ thiếu niên" muốn khuyên Phật tử nên làm gì?

- a. Nên học theo sách Thánh hiền.
- b. Nên hành trì một cách nghiêm mật.
- c. Nên kiên tâm chớ chối bỏ trách nhiệm.
- d. **Nên biết vô thường chuyên cần niệm Phật.**

223. So sánh trí tuệ và tri thức thế gian?

- a. Tri thức thế gian là nhờ sự học tập hay kinh nghiệm cuộc sống mà có được. Còn trí tuệ là thành quả có được nhờ vào công năng tu tập và thể nghiệm bản thân.
- b. Tri thức thế gian chỉ là yếu tố trợ duyên để có thể làm tăng trưởng trí tuệ. Trí tuệ thì soi sáng con đường đưa đến cuộc sống an lạc và giải thoát.
- c. Tri thức thế gian và trí tuệ là tương đồng.
- d. **Đáp án a và b.**

224. Phật dạy, thế nào gọi là "Vô minh"?

- a. Không hiểu rõ Tứ đế.
- b. Không hiểu rõ Duyên khởi.
- c. Không hiểu rõ Vô ngã.
- d. **Đáp án a, b và c.**

225. Người muốn thành tựu pháp quán bất tịnh cần phải làm gì?

- a. Đối trị lòng tham dục, chớ chảnh phải chán đời, tự hủy diệt mình.
- b. Dứt trừ vọng niệm tham dục, giác ngộ Phật tánh.
- c. **Đáp án a và b.**
- d. Thường xuyên tắm rửa thật sạch sẽ.

226. Sau khi nghe Phật thuyết pháp về thân bất tịnh, có 30 vị Tỳ Kheo đã tự hủy hoại thân mình, làm như thế có đúng không?

- a. Đúng, vì thân dơ nhớp, đâu duy trì làm gì
- b. Đúng, vì mục đích tu tập để giải thoát tâm, nên cần phải giải thoát thân trước
- c. Không đúng, vì Phật dạy chớ dù thân bất tịnh, nhưng trong tâm có Phật, cần phải duy trì thân làm phương tiện tu tập
- d. **Đáp án b đúng**

227. Nhơn thừa lấy gì làm căn bản?

- a. Hiếu thuận với cha mẹ.
- b. Ngũ giới.
- c. Tam quy.
- d. **Đáp án a, b và c.**

228. Trước khi ăn phải quán “Tam đề” là những pháp nào?

a. Tam đề gồm: Nguyên đoạn nhứt thiết ác; nguyên tu nhứt thiết thiện; nguyên độ nhứt thiết chúng sanh.

b. Tam đề gồm: Nguyên không gây điều xấu; nguyên không làm điều tổn hại người, nguyên không gây tranh cãi.

c. Tam đề gồm: Nguyên đoạn trừ tất cả nghiệp xấu ác; nguyên tu tập tất cả những điều thiện lành; nguyên cứu độ tất cả chúng sanh.

d. **Đáp án a và c.**

229. Câu kệ “Nguyên thử chung thính siêu pháp giới, thiết vi u ám tất diêu văn, văn trần thanh tịnh chứng viên thông, nhất thiết chúng sanh thành chánh giác...” thường được đọc tụng vào lúc nào?

a. Vào lúc tụng kinh buổi sáng và buổi tối.

b. Vào lúc thỉnh Đại hồng chung, để chuẩn bị cho thời khóa tụng kinh, thiền tọa vào mỗi buổi sáng, chiều trong các tự viện Phật giáo.

c. Vào mỗi khi thỉnh Đại hồng chung tại các ngôi chùa.

d. **Đáp án b và c.**

230. Phật giáo Việt Nam thịnh nhất vào thời đại nào?

a. Đinh, Lê

b. **Lý, Trần**

c. Hậu Lê

d. Trịnh- Nguyễn

a. Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn.

b. Lăng Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa.

c. Lăng Nghiêm, Di Giáo, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa.

d. Hoa Nghiêm, Di Giáo, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa.

231. Trung tâm Phật giáo Luy Lâu thuộc tỉnh nào hiện nay?

a. Ninh Bình.

b. **Bắc Ninh.**

c. Thái Nguyên.

d. Nam Định.

232. Chùa Khai Quốc là tên cũ của ngôi chùa nổi tiếng nào ở khu vực Hồ Tây, Hà Nội ngày nay?

a. **Chùa Trấn Quốc.**

b. Chùa Vạn Quốc.

c. Chùa Vạn Niên.

d. Chùa Diên Hựu.

233. Vị Thiền sư nào đã giúp vua Lý Thái Tổ xây dựng vững bền triều Lý?

a. Thiền sư Ngô Chân Lưu.

b. **Thiền sư Pháp Thuận.**

- c. *Thiền sư Đa Bảo.*
- d. ***Thiền sư Vạn Hạnh***

234. Đại lão Hòa thượng nào là đương nhiệm Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam là vị trưởng lão Hòa thượng nào?

- a. *Đại Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh.*
- b. *Đại Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Từ.*
- c. ***Đại Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Quảng.***
- d. *Đại Trưởng lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ.*

235. Chủ tịch Hội đồng Trị sự đương nhiệm của GHPGVN là vị trưởng lão Hòa thượng nào?

- a. *Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Thủ.*
- b. *Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Tịnh.*
- c. *Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Từ.*
- d. ***Trưởng lão Hòa thượng Thích Thiện Nhơn.***

236. Phương châm hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là gì?

- a. ***Đoàn kết - Hòa hợp - Trường dưỡng đạo tâm, trang nghiêm Giáo hội.***
- b. *Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội.*
- c. *Giới luật còn, Phật pháp còn - Giới luật mất, Phật pháp mất.*
- d. *Đạo pháp - Dân tộc.*

237. Đại lễ Phật Đản Liên Hiệp Quốc được tổ chức ở Việt Nam lần đầu tiên vào năm nào?

- a. ***Năm 2008.***
- b. *Năm 2014.*
- c. *Năm 2019.*
- d. *Đáp án a, b, c.*

238. Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập vào ngày, tháng, năm nào?

- a. *11/07/1980.*
- b. ***11/07/1981.***
- c. *07/11/1980.*
- d. *07/11/1981.*

239. Trung ương GHPGVN có mấy văn phòng? Văn phòng I lập ở đâu?

- a. ***Có 2 văn phòng, Văn phòng I ở chùa Quán Sứ.***
- b. *Có 2 văn phòng, Văn phòng I ở thiền viện Quảng Đức.*
- c. *Có 3 văn phòng, Văn phòng I ở chùa Quán Sứ.*
- d. *Có 3 văn phòng, Văn phòng I ở chùa Một Cột.*

240. Văn phòng II Trung ương GHPGVN đặt ở đâu?

- a. Chùa Xá Lợi, Tp.HCM.
- b. Thiền viện Quảng Đức, Tp.HCM.**
- c. Chùa Từ Đàm, Tp. Huế.
- d. Chùa Vĩnh Nghiêm, Tp.HCM.

241. Vị vua nào của Việt Nam đã được Thiền Sư Vạn Hạnh nuôi dưỡng trở thành bậc minh quân tài hoa xuất chúng?

- a. **Lý Công Uẩn.**
- b. Trần Thái Tông.
- c. Trần Nhân Tông.
- d. Trần Thánh Tông.

242. Trưởng Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Tỉnh Long An là vị Hòa thượng nào?

- a. Hòa thượng Thích Đạt Pháp
- b. Hòa thượng Thích Tác Tụ
- c. Hòa thượng Thích Minh Thiện**
- d. Hòa thượng Thích Tác Phi

243. Vị Hòa thượng nào vì pháp thiêu thân, được tôn xưng là Bồ-tát?

- a. Đại Đức Thích Quảng Hương.
- b. Hòa thượng Thích Quảng Đức.**
- c. Hòa thượng Thích Chân Như
- d. Thượng tọa Thích Tiêu Diêu.

244. Vị vua nào khai sáng Thiền phái Trúc Lâm?

- a. Vua Trần Thái Tông
- b. Vua Lý Thái Tổ
- c. Vua Trần Nhân Tông**
- d. Vua Quang Trung

245. Vua Lý Công Uẩn là đệ tử của thiền sư nào?

- a. Thiền sư Vạn Hạnh.**
- b. Thiền sư Đa Bảo.
- c. Thiền sư Không Lộ.
- d. Thiền Sư Khuông Việt.

246. Ai là tác giả của Khóa Hư Lục?

- a. Trần Thái Tông**
- b. Trần Thánh Tông
- c. Trần Nhân Tông
- d. Trần Anh Tông

247. Hiện tại Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã thành lập bao nhiêu Học Viện Phật giáo đào tạo cấp Đại học trở lên.
- Có 5
 - Có 6
 - Có 4
 - Có 3.
248. Văn phòng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Long An đặt ở đâu.
- Chùa Thiên Châu, Số 101 Huỳnh Văn Nhứt, P.3, TP. Tân An, Tỉnh Long An.
 - Chùa Thiên Khánh, Số 48, Đường Lưu Văn Tế, Khu phố Bình Cư II, Phường 4, Thị xã Tân An.
 - Chùa Thiên Phước, TP. Tân An.
 - Chùa Pháp Minh, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
249. Ở Việt Nam, ngôi chùa nào có lưu lại hai nhục thân xá lợi của hai vị Thiền sư Đạo Chân (Vũ Khắc Minh) và Thiền sư Đạo Tâm (Vũ Khắc Trường)?
- Chùa Đậu.
 - Chùa Dâu.
 - Chùa Hương.
 - Chùa Phật Tích
250. Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc mấy năm tổ chức một lần?
- 4 năm một lần.
 - 5 năm một lần.
 - 6 năm một lần.
 - 7 năm một lần.

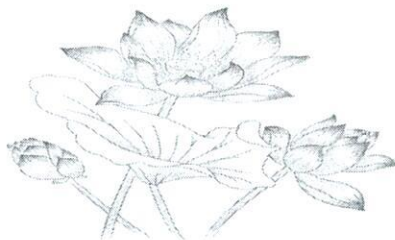


PHẦN 2. CHỦ ĐỀ THI VIẾT

(có bổ sung thêm nội dung so với Thông báo số 060/TB-BTS ngày 28/11/2024 của Ban Thường trực Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Long An).

- Lịch Sử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.
- Tam Quy Và Ngũ Giới.
- Nhân Quả.
- Nghiệp Báo
- Luân Hồi
- Tam Vô Lậu Học.

7. Ý Nghĩa Của Đại Lễ Vesak Liên Hợp Quốc
8. Vai Trò Hộ Pháp Của Người Phật Tử Tại Gia.
9. Bốn Phận Của Phật Tử Tại Gia, Ứng Dụng Lời Dạy Vào Trong Cuộc Sống.



*TỔNG CỘNG TRẮC NGHIỆM CÓ 250 CÂU HỎI ÔN THI VÀ TỰ LUẬN
CÓ 9 ĐỀ TÀI ÔN THI.*

=====

Kính Chúc Vô Lượng An Lạc-Vô Lượng Cát Tường